CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

Tổng công ty IDICO - CTCP

Ngày 31/12/2024	55,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.5%	**-1.2%**	**-**

DT thuần
Q4/24
1,955
tỷ VNĐ
QoQ: ▼321| -14.1%
YoY: ▼284| -12.7%

LN thuần
Q4/24
532
tỷ VNĐ
QoQ: ▼183| -25.7%
YoY: ▼228| -30.1%

LN sau thuế
Q4/24
438
tỷ VNĐ
QoQ: ▼136| -23.7%
YoY: ▼185| -29.7%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
35.3%
YoY: +/-▲ 4.3%

ROE
2024
29.8%
YoY: +/-▲ 7.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	47,788 - 63,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	18,381
Số lượng CPLH (CP)	329,999,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,323,445
Sở hữu nước ngoài	21.6%
Beta	1.27
EPS	6,050
P/E	9.2

DT thuần
2024
8,846
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,609| 22.2%

LN thuần
2024
2,973
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 878| 41.9%

LN sau thuế
2024
2,393
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 737| 44.5%

Cơ cấu sở hữu

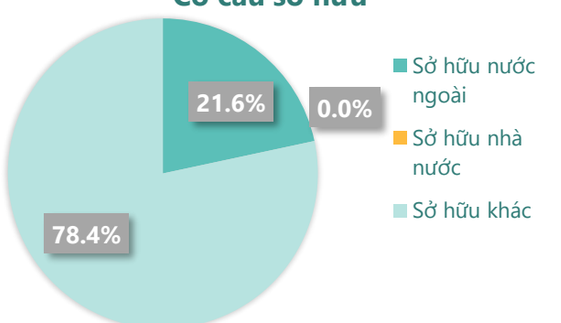

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

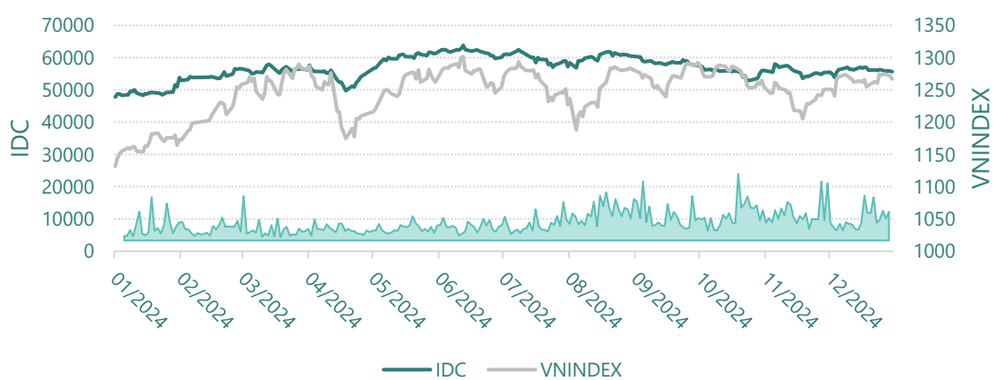

Cơ cấu cổ đông

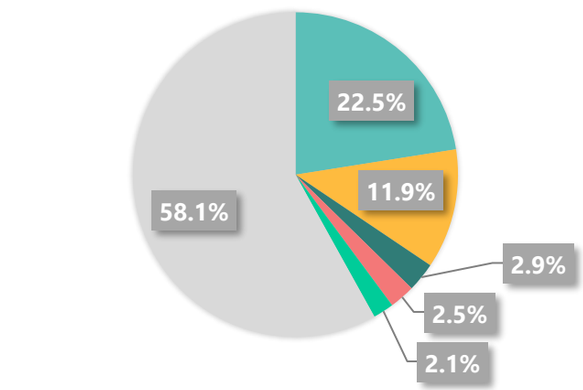

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

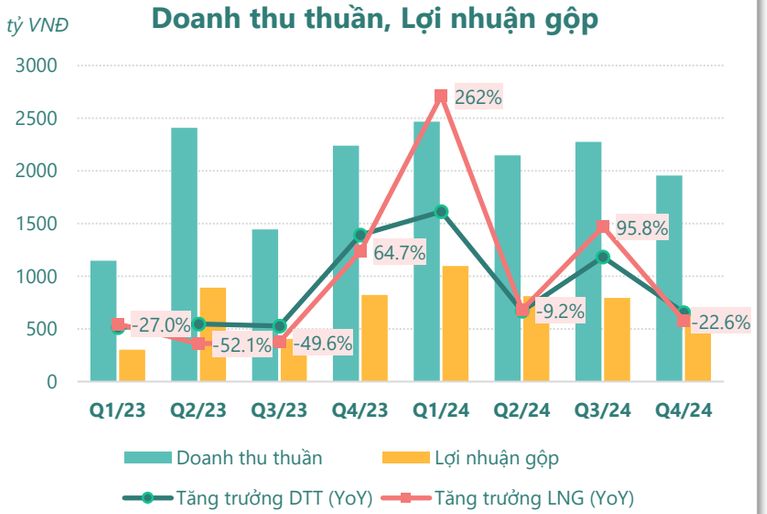

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

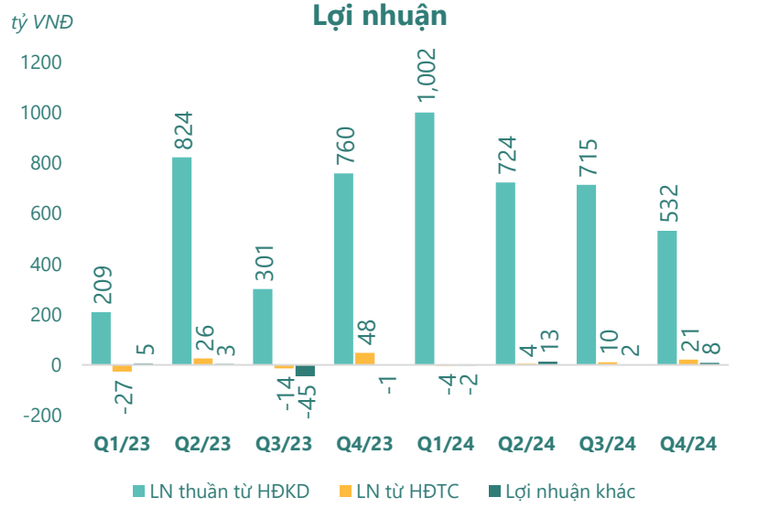

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

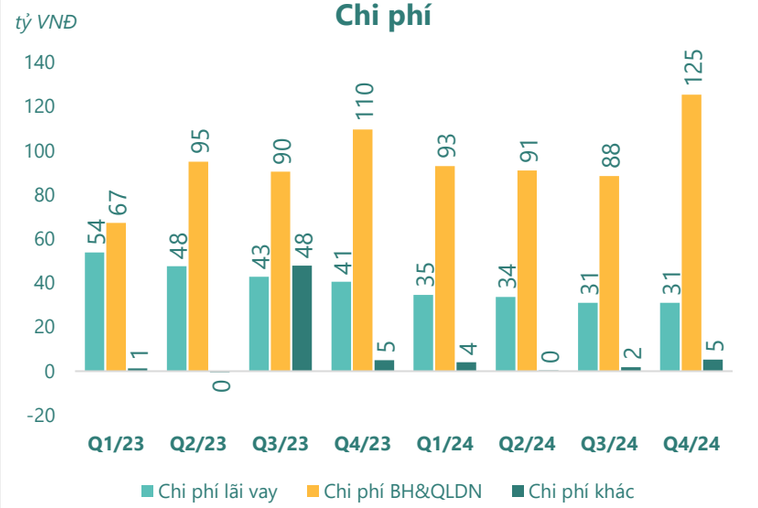

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

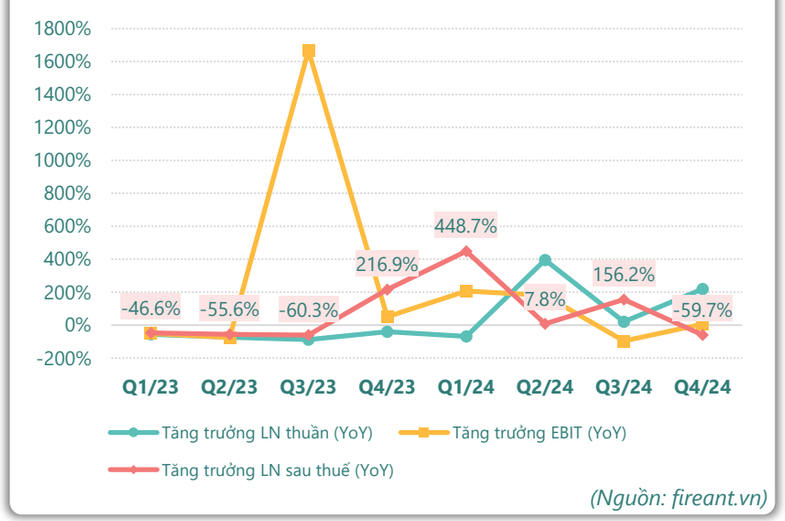

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

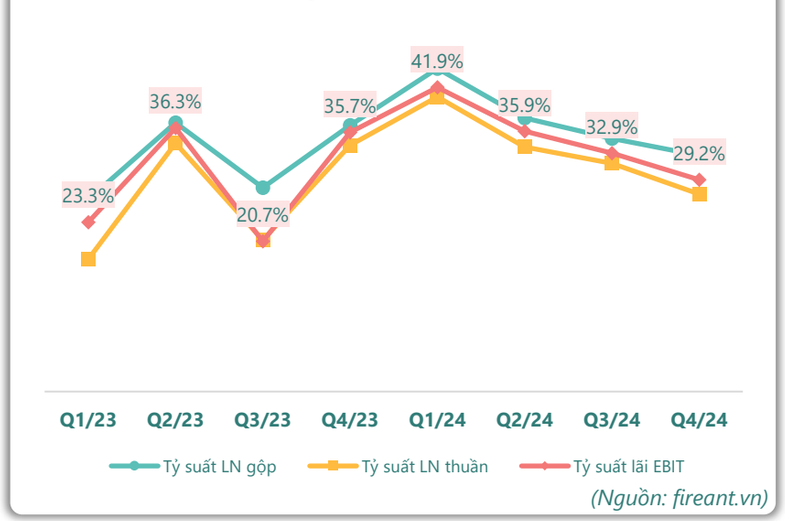

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

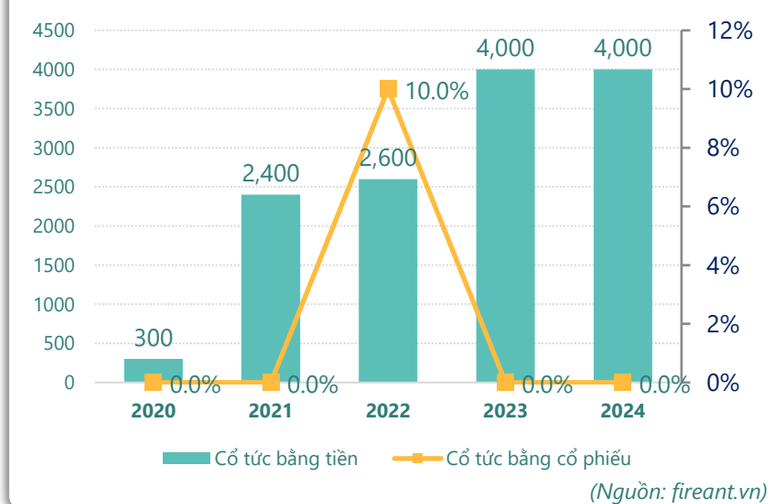

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

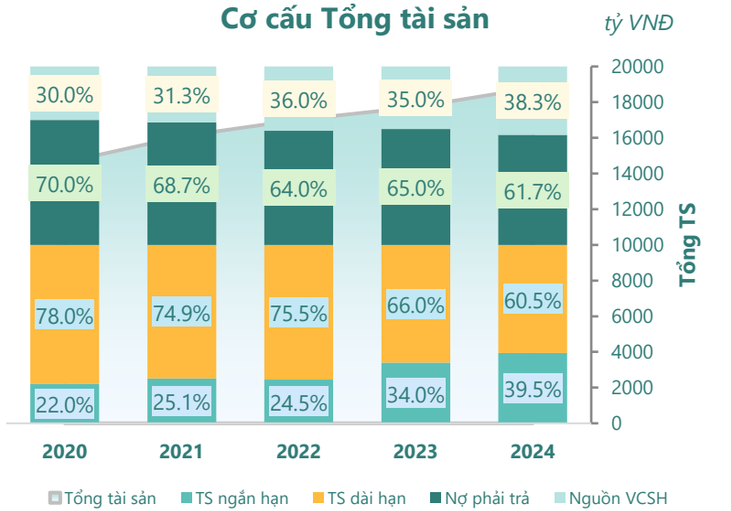

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

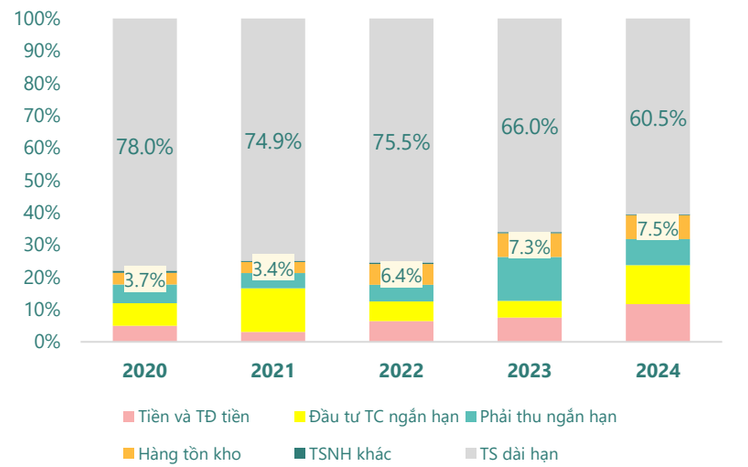

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

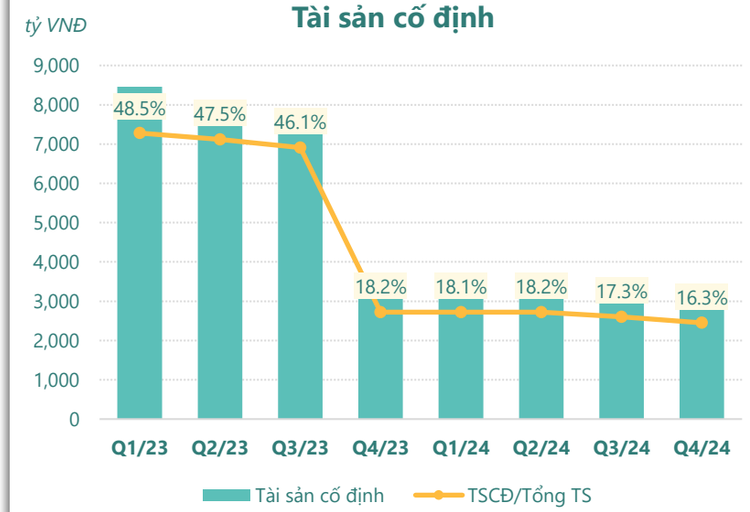

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

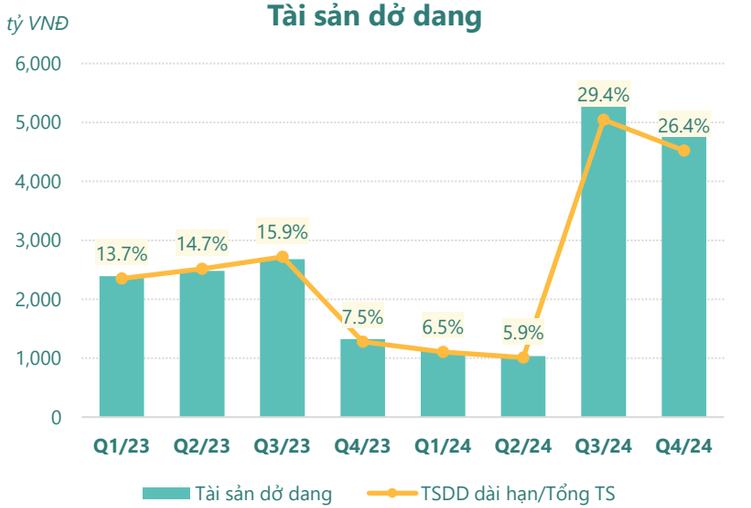

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

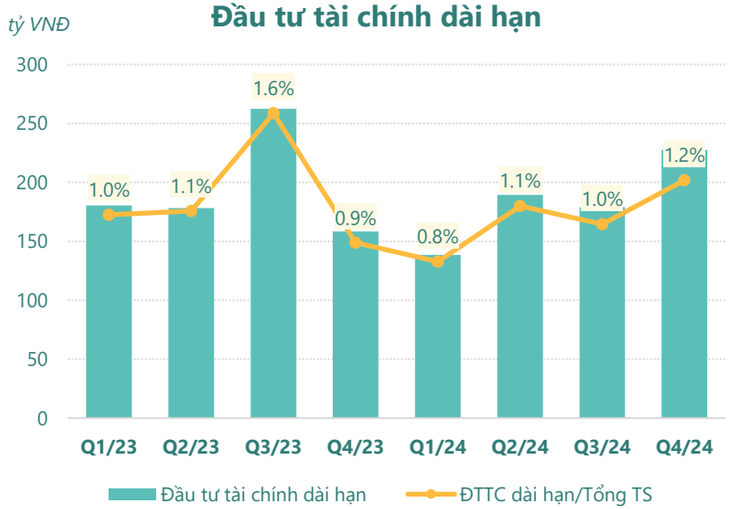

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

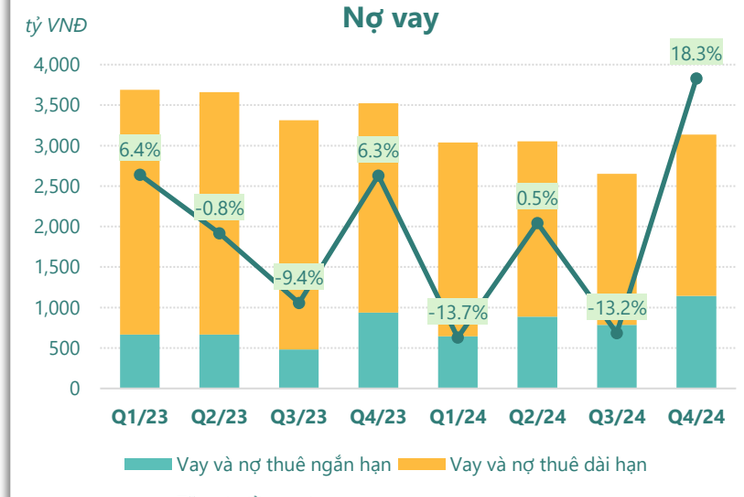

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

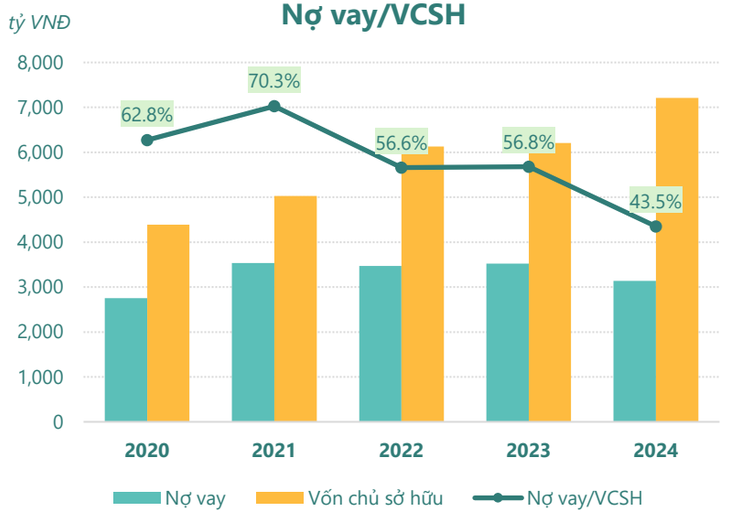

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

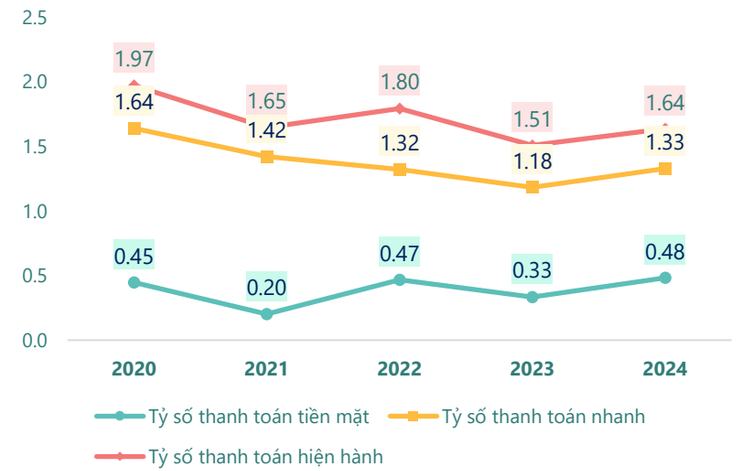

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

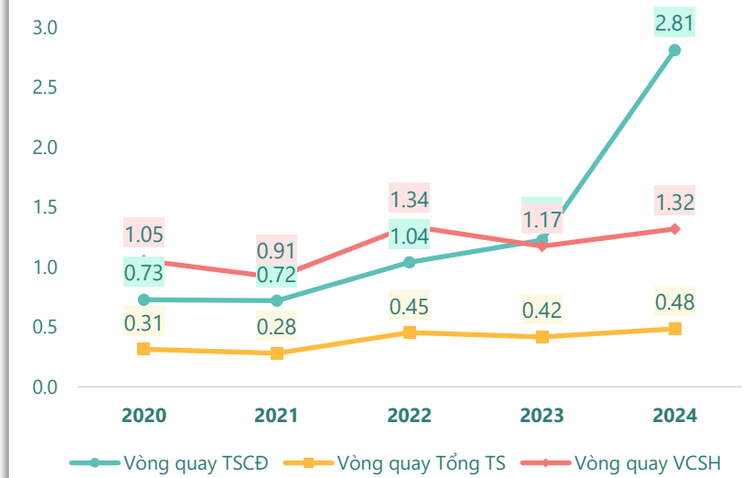

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

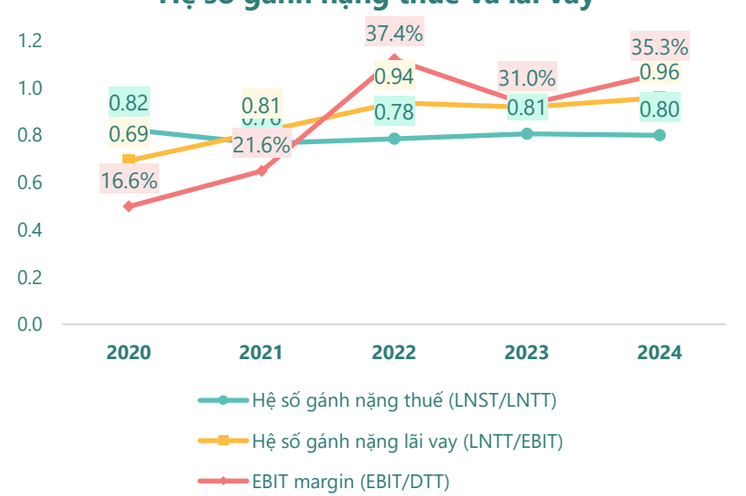

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

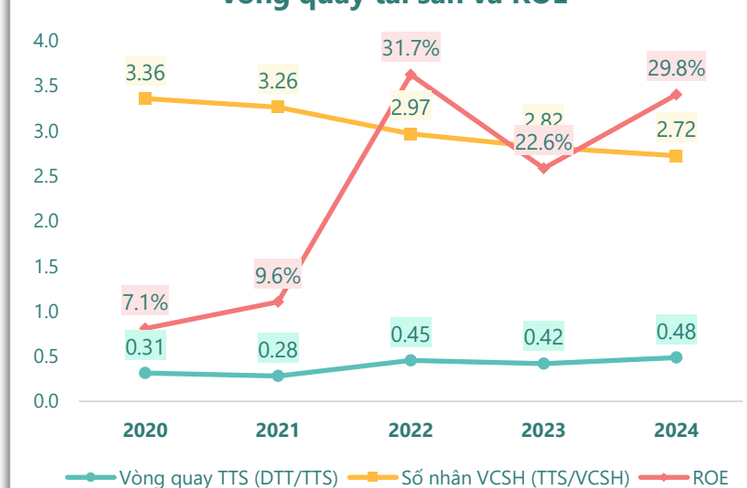

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

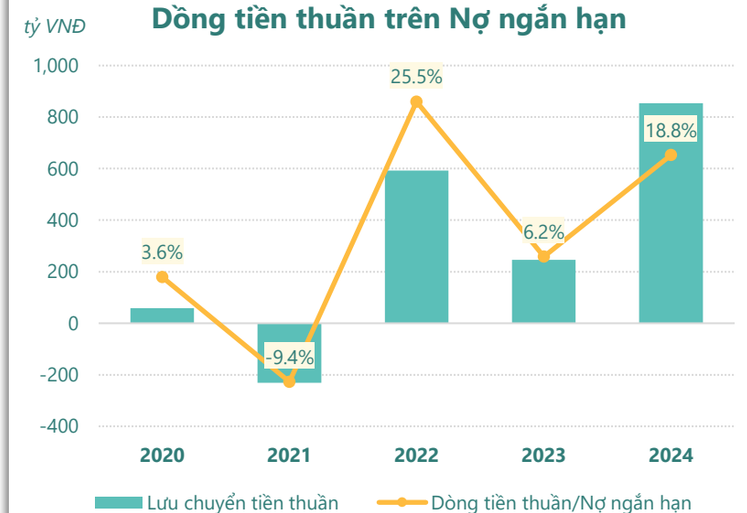

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,955**	**2,239**	**-12.7%**	**8,846**	**7,237**	**22.2%**
Giá vốn hàng bán	1,320	1,418	-6.9%	5,509	4,814	14.4%
Lợi nhuận gộp	636	821	-22.6%	3,337	2,423	37.7%
Doanh thu HĐTC	53.1	89.2	-40.4%	168	221	-24.1%
Chi phí TC	31.9	41.2	-22.7%	136	189	-27.9%
Chi phí lãi vay	31.1	40.6	-23.5%	130	185	-29.5%
LN trong công ty LKLD	**-0.10**	**0.74**	**-114%**	**1.34**	**1.47**	**-9.1%**
Chi phí bán hàng	26.2	31.9	-17.9%	123	115	6.7%
Chi phí QLDN	**99.2**	**77.8**	**27.5%**	**275**	**247**	**11.2%**
LN thuần từ HĐKD	532	760	-30.1%	2,973	2,095	41.9%
Lợi nhuận khác	**8.04**	**-0.79**	**1118%**	**20.4**	**-38.0**	**154%**
LN trước thuế	540	759	-28.9%	2,993	2,057	45.5%
Lợi nhuận sau thuế	**438**	**623**	**-29.7%**	**2,393**	**1,656**	**44.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**358**	**551**	**-35.1%**	**1,996**	**1,394**	**43.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	474	1,136	951	1,373	1,257	303
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-76.9	-602	-155	-597	-557	34.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-383	-451	-1,022	-873	-423	563
Tiền đầu kỳ	1,236	1,251	1,334	1,108	1,010	1,288
Lưu chuyển tiền thuần	**14.0**	**83.5**	**-226**	**-97.7**	**277**	**900**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.11	-0.47	0.15	0.09	-0.06	0.07
Tiền cuối kỳ	1,251	1,334	1,108	1,010	1,288	2,188

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**18,800**	**17,720**	**6.1%**
Tài sản ngắn hạn	7,422	6,018	23.3%
Tiền và tương đương tiền	2,188	1,334	64.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,264	910	149%
Phải thu ngắn hạn	1,515	2,401	-36.9%
Hàng tồn kho	1,401	1,299	7.8%
Tài sản ngắn hạn khác	54.2	74.4	-27.2%
Tài sản dài hạn	**11,377**	**11,703**	**-2.8%**
Phải thu dài hạn	103	46.0	125%
Tài sản cố định	3,070	3,221	-4.7%
Bất động sản đầu tư	2,538	6,151	-58.7%
Tài sản dở dang	4,959	1,323	275%
Đầu tư tài chính dài hạn	228	158	43.8%
Tài sản dài hạn khác	**447**	**757**	**-40.9%**
Lợi thế thương mại	32.1	46.2	-30.5%
Nợ phải trả	11,591	11,516	0.7%
Nợ ngắn hạn	**4,532**	**3,986**	**13.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,144	938	22.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	302	314	-3.9%
Nợ dài hạn	7,059	7,529	-6.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,992	2,585	-22.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**7,208**	**6,205**	**16.2%**
Vốn chủ sở hữu	**7,208**	**6,205**	**16.2%**
Vốn điều lệ	3,300	3,300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)